

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **101/2022/HSST**

Ngày 22 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hữu Dụng.

2. Ông Bùi Thế Hòa.

3. Ông Nguyễn Quang Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2022/TLST-HS ngày 30/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HS ngày 07/9/2022, đối với:

* Bị cáo: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Nguyễn Văn T1), sinh năm 1983, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã DL, huyện DM, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị X; bị cáo có vợ là Trần Thị H và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/4/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Hồ Ngọc H1 thuộc Văn phòng luật sư HNH, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đường G, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐL, huyện ĐM, Đắk Nông, có mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Trần Quang T4, sinh năm 2002; địa chỉ: Số Đường G, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 9/2021, do mâu thuẫn với vợ là chị Trần Thị H (*sinh năm 1988, trú tại thôn ĐT, xã ĐL, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông*) nên Nguyễn Văn T (*sinh năm 1983, trú tại: Thôn ĐT, xã ĐL, huyện ĐM*) thường xuyên uống rượu và bỏ nhà đi lang thang. Ngày 03/10/2021, khi thấy T đến nhà trong tình trạng không tỉnh táo, hay nói nhảm một mình và không kiểm soát được hành vi nên bà Nguyễn Thị T3 (*sinh năm 1980, trú tại: đường G, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*) là chị ruột của T giữ ở lại nhà mình. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị T3 phát hiện T đã bỏ đi nên đi tìm. Đến khoảng 10 giờ ngày **04/10/2021**, nghe tin T đang đi lang thang ở huyện KB, tỉnh Đắk Lắk nên chị T3 đã đón T về lại nhà mình. Đến khoảng 16 giờ ngày 04/10/2021, trong khi ngủ, T nảy sinh ảo giác phải giết chị T3, nếu không chị T3 sẽ dùng xăng đốt T nên sau khi ngủ dậy, T xuống bếp nhà chị T3 lấy 01 cái kéo bằng kim loại, dài 21cm rồi đi ra trước sân tìm chị T3. Thấy chị T3 đang ngồi ở thềm gọi điện thoại, T đã lao vào cầm kéo bằng tay phải đâm nhiều nhát liên tiếp trúng vào lưng, mặt, bụng chị T3 gây thương tích. Lúc này, chị T3 kêu cứu thì con trai chị T3 là Trần Quang T4 đang ở trong nhà chạy ra để can ngăn. Thấy anh T4 chạy ra T vứt cái kéo lại tại hiện trường và bỏ chạy nhưng bị người dân xung quanh giữ lại. Chị T3 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa TH.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, số 1110 ngày 12/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Nguyễn Thị T3 là: 14%, trong đó:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương để lại sẹo nằm ngang từ khóe miệng trái tới má trái, kích thước (3x0,2)cm;
- Vết thương để lại sẹo mặt trong niêm mạc má trái, kích thước (2x0,2)cm;
- Vùng lưng trái có 03 vết thương để lại sẹo theo thứ tự từ phải qua trái:
 - + Sẹo thứ nhất cách đốt sống D12: 2cm, bờ đều, phẳng gọn không dính da quanh sẹo, kích thước (1,5x0,2)cm;

+ Sẹo thứ hai cách sẹo thứ nhất 2,5cm, bờ đều, phẳng gọn không dính da quanh sẹo, kích thước (0,5x0,2)cm;

+ Sẹo thứ ba cách sẹo thứ hai 1,5cm, bờ đều, phẳng gọn không dính da quanh sẹo, kích thước (1,5x0,4)cm;

- Vết thương để lại sẹo thành bụng trước trái, cách rốn 5cm, bờ đều, không dính da quanh sẹo, kích thước (1,5x0,1)cm;

- Sẹo dẫn lưu ngực trái, khoang liên sườn V đường nách giữa, kích thước khoảng (1,5x0,1)cm;

- Vết thương để lại 02 sẹo mặt ngoài 1/3 trên đùi – mông trái, thứ tự từ trên xuống dưới, kích thước (2x0,2)cm, (4x0,2)cm;

2. Vật tác động: Vật sắc nhọn.

3. Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương để lại sẹo nằm ngang từ khoe miệng trái tới má trái và vết thương để lại sẹo mặt trong niêm mạc má trái, do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên, có chiều hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải.

- 03 vết thương vùng lưng trái, tổn thương màng phổi trái do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước.

- Vết thương để lại sẹo thành bụng trước trái, cách rốn 5cm, do vật sắc nhọn trực tiếp gây ra, có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

- Vết thương để lại sẹo mặt ngoài 1/3 trên đùi – mông trái do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên, có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ trái qua phải.

- Sẹo dẫn lưu ngực trái, khoang liên sườn V đường nách giữa do quá trình phẫu thuật dẫn lưu màng phổi trái tạo nên.

Tại Bản kết luận giám định tâm thần số 48 ngày 24/3/2022, của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực TN, Bộ Y tế kết luận: Thời điểm trước, trong và sau ngày 04/10/2021 và thời điểm giám định, Nguyễn Văn T bị bệnh: Rối loạn tâm thần do sử dụng rượu (F10 - ICD10); hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

*** Việc thu giữ đồ vật, tài liệu:** Quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ 01 cái kéo bằng kim loại, cán bọc nhựa màu vàng, đỏ, kích thước (9 x 21)cm.

Tại Cáo trạng số 108/CT-VKST-P2 ngày 29/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cơ bản như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 30/4/2022).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự như nội dung cáo trạng đã nêu.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày:* Về trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người” theo Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS là chưa phù hợp, bởi lẽ giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, việc bị cáo gây thương tích cho bị hại xuất phát từ việc không làm chủ được hành vi của bị cáo do bệnh tật gây nên. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự. Về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc. Do đó, nghị nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự để xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý với nội dung, quan điểm bào chữa của người bào chữa và không trình bày gì thêm.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình. Hiện tại bị cáo cũng chưa khỏi bệnh hoàn toàn, gia đình rất khó khăn các con của bị cáo còn nhỏ và đang đi học.

Qua phần tranh luận Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 04/10/2021, tại số nhà 30/35/4 đường G, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác, Nguyễn Văn T là người bị rối loạn tâm thần do sử dụng rượu đã dùng 01 cái kéo bằng kim loại, dài 21cm đâm nhiều nhát liên tiếp trúng vào lưng, mặt, bụng của chị Nguyễn Thị T3. Hậu quả, chị T3 bị tổn thương cơ thể 14%, mặc dù trước đó bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “*Giết người*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Điều 123 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

n) Có tính chất côn đồ.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội “*Giết người*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án do bị cáo T gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở

địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng để nhận thức được sức khỏe, tính mạng được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Tuy tại thời điểm phạm tội bị cáo bị loạn thần do sử dụng rượu, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nhưng bị cáo chưa bị mất năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và cần có mức hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng và được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt. Tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội trong trường hợp chưa đạt nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, tổn thương cơ thể của bị hại thấp (14%) nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[3] Các biện pháp tư pháp

[3.1] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cái kéo (có đặt điểm như trong biên bản thu giữ tại hiện trường) là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[3.2] Về phân trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại Nguyễn Thị T3 đã yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 2.000.000 đồng. Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260; khoản 1 Điều 298; khoản 1 Điều 299; Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “*Giết người*”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 10 (Mười) năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính kể từ ngày tạm giam 30/4/2022.

[3] Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo (có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2022 tại Cục Thi hành án tỉnh Đ).

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú